

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI,
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 251/2024/DS-ST
Ngày 22-8-2024
Về tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Xuân Minh;
- Ông Văn Công Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; địa chỉ: Số B - B N, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Biên C – Phó Trưởng phòng G; địa chỉ: Số B, khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 05 năm 2024); có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn M; sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

2. Ông Trần Văn H; sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Y; sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

4. Ông Trần Văn H1; sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

5. Bà Trần Hằng N1; sinh năm 1987; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

6. Bà Trần Thị T; sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13 tháng 03 năm 2020, hộ bà Nguyễn Thị N gồm các thành viên là bà N, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Y, ông Trần Văn H1, bà Trần Thị T, bà Trần Hằng N1 đã ký Hợp đồng cho vay số LD2007000776 chi tiết như sau: Hạn mức tín dụng 300.000.000 đồng; mục đích vay vốn để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp tổng hợp; thời hạn vay 36 tháng; thời hạn nhận nợ 12 tháng. Ngày 15 tháng 02 năm 2023, bà Nguyễn Thị N đã ký giấy nhận nợ số LD2304600487 nhận nợ số tiền 300.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng. Lãi suất 03 tháng đầu tiên là 14,5%/năm; kể từ tháng thứ 04, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng kỳ hạn vay được S1 niêm yết tại www.S1.com.vn thời điểm điều chỉnh + (cộng) biên độ 4,4%/năm.

Để đảm bảo cho Hợp đồng vay số LD2007000776 ngày 13 tháng 03 năm 2020 và Giấy nhận nợ số LD2304600487 ngày 15 tháng 02 năm 2023, hộ bà Nguyễn Thị N đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 4569645.1.5 ngày 13 tháng 03 năm 2020, thế chấp 02 thửa đất liền kề và tài sản gắn liền với đất gồm:

Thửa số 87, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau, có diện tích 2.631,9 m², theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BP 233192, số vào sổ cấp GCN: CH00423 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 02 tháng 10 năm 2013, chủ sở hữu là hộ bà Nguyễn Thị N.

Thửa số 86, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau có diện tích 30.000 m², theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BP 137718, số vào sổ cấp GCN: CH00386 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 19 tháng 9 năm 2013, chủ sở hữu là hộ bà Nguyễn Thị N.

Đến nay hộ bà N không thực hiện đúng cam kết trả nợ. Tính đến ngày 22 tháng 8 năm 2024, hộ bà N còn nợ của Ngân hàng số tiền 342.818.746 đồng; trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 31.641.327 đồng và nợ lãi quá hạn 11.177.419 đồng.

Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau buộc hộ bà N phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ trên và số tiền xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp hộ bà N thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ

thì Ngân hàng có quyền phát mãi tại sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà thống nhất với khoản vay như nguyên đơn trình bày, thống nhất với số tiền mà nguyên đơn yêu cầu tính đến thời điểm ngày 22 tháng 8 năm 2024 là 342.818.746 đồng, thống nhất thông tin về tài sản thế chấp, đồng ý trả số tiền trên và duy trì tài sản thế chấp gồm đất và tài sản trên đất, tuy nhiên yêu cầu trả dần số tiền trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn M trình bày: Thống nhất với trình bày của bà N, đồng ý tiếp tục di trì tài sản thế chấp gồm đất và tài sản trên đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm :Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự có mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; riêng đương sự vắng mặt không có lý do chính đáng chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo triệu tập của Tòa án. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thời hiệu khởi kiện: Ngân hàng thương mại cổ phần S cho hộ bà Nguyễn Thị N vay để bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà N cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Văn H, bà Trần Thị Y, ông Trần Văn H1, bà Trần Thị T, bà Trần Hằng N1 vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà Y, ông H1, bà T, bà N1.

[3] Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy rằng bà N, ông M thừa nhận ngày 13 tháng 03 năm 2020, hộ bà Nguyễn Thị N gồm các thành viên là bà N, ông H, bà Y, ông H1, bà T, bà N1 đã ký Hợp đồng cho vay số LD2007000776 vay của Ngân hàng thương mại cổ phần S 300.000.000 đồng. Ngày 15 tháng 02 năm 2023, bà N đã ký giấy nhận nợ số LD2304600487 nhận nợ số tiền 300.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng; lãi suất 03 tháng đầu tiên là 14,5%/năm. Kể từ tháng thứ 04, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được điều chỉnh bằng lãi suất cơ sở tương ứng kỳ hạn vay được S1 niêm yết tại ww.S1.com.vn thời điểm điều chỉnh + (cộng) biên độ

4,4%/năm. Nội dung này hoàn toàn phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là Hợp đồng tín dụng mà nguyên đơn đã xuất trình. Tính đến ngày 22 tháng 8 năm 2024, hộ bà N còn nợ của Ngân hàng số tiền 342.818.746 đồng; trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 31.641.327 đồng và nợ lãi quá hạn 11.177.419 đồng. Do bà N và các thành viên trong hộ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng có quyền đòi nợ theo hợp đồng. Vì vậy căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà N và các thành viên trong hộ phải liên đới trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi nêu trên. Bà N và ông M xin được trả nợ dần nhưng Ngân hàng không đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của bà N, ông M.

[4] Để đảm bảo khoản vay, hộ bà N có thể chấp hai tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 4569645.1.5 ngày 13 tháng 03 năm 2020, gồm: Thửa số 87, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau, có diện tích 2.631,9 m², theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BP 233192, sổ vào sổ cấp GCN: CH00423 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 02 tháng 10 năm 2013, chủ sở hữu là hộ bà Nguyễn Thị N. Thửa số 86, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau có diện tích 30.000 m², theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BP 137718, sổ vào sổ cấp GCN: CH00386 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 19 tháng 9 năm 2013, chủ sở hữu là hộ bà Nguyễn Thị N. Thủ tục thế chấp có lập hợp đồng công chứng và đăng ký biến động hợp lệ. Trên đất, ngoài ngôi nhà của bà N còn có ngôi nhà của ông M nhưng ông đồng ý thế chấp cho Ngân hàng và không có tranh chấp gì. Do đó, áp dụng các Điều 298, 307, 317, 318, 319, 320 và 322 của Bộ luật dân sự, hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nếu hộ bà N không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì hộ bà N phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000 đồng. Ngày 12 tháng 8 năm 2024, Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước. Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, hộ bà N phải chịu chi phí này nên hộ bà N có trách nhiệm hoàn lại số tiền này cho Ngân hàng.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm nhưng các thành viên khác trong hộ vẫn phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ của mình tương ứng $(342.818.746 \text{ đồng} - 342.818.746 \text{ đồng}/6) \times 5\% = 14.284.000 \text{ đồng}$. Vì toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 298, 307, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; điểm b khoản 4 Điều 13, Điều 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng N2; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Buộc hộ bà Nguyễn Thị N, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Y, ông Trần Văn H1, bà Trần Thị T, bà Trần Hằng N1 liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 342.818.746 đồng; trong đó nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 31.641.327 đồng và nợ lãi quá hạn 11.177.419 đồng.

Kể từ ngày 23 tháng 8 năm 2024, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất tương ứng của từng Hợp đồng cho vay số LD2007000776 ngày 13 tháng 3 năm 2020 cho đến khi trả hết nợ.

2. Trường hợp hộ bà Nguyễn Thị N, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Y, ông Trần Văn H1, bà Trần Thị T, bà Trần Hằng N1 không trả được nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Thửa số 87, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau, có diện tích 2.631,9 m², theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BP 233192, sổ vào sổ cấp GCN: CH00423 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 02 tháng 10 năm 2013 và thửa số 86, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau có diện tích 30.000 m², theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: BP 137718, sổ vào sổ cấp GCN: CH00386 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau cấp ngày 19 tháng 09 năm 2013 và tài sản trên đất để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bên có nghĩa vụ thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà N.

Trường hợp tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm nếu có người khác đang thực tế sống cùng hoặc đang quản lý sử dụng thì cũng phải có nghĩa vụ thi hành án.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Hộ bà Nguyễn Thị N, ông Trần Văn H, bà Trần Thị Y, ông Trần Văn H1, bà Trần Thị T, bà Trần Hằng N1 phải hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 1.000.000 (một triệu) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng đã nộp.

4. Về án phí: Ông Trần Văn H, bà Trần Thị Y, ông Trần Văn H1, bà Trần Thị T, bà Trần Hằng N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 14.284.000 (mười bốn triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

H2 lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S 8.120.000 (tám triệu một trăm hai mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004953 ngày 13 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hợp